

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư công khẩn cấp Xây dựng Trường phổ thông
nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Tân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư Trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi phí đầu tư phát triển kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương để thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ chính trị về chủ trương đầu tư Trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

Căn cứ Văn bản số 6302/BGDĐT-KHTC ngày 08/10/2025 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền;

Căn cứ Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2024 để thực hiện Thông báo Kết luận số 81-TB/TW của Bộ chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp 06 dự án xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và Trung học cơ sở các xã biên giới, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 210/TTr-SXD ngày 16/12/2025; Văn bản Thông báo kết quả thẩm định số 2892/SXD-KT&GD&XD ngày 16/12/2025 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư công khẩn cấp: Xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Tân với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Tân.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Minh Tân, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Công ty TNHH xây dựng và thiết kế Tín Thành.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Dự án nhóm B, Công trình dân dụng, cấp III; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án từ 20-50 năm.

7. Mục tiêu dự án: Xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Minh Tân trên cơ sở tận dụng, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình của Trường Tiểu học B Minh Tân; kết hợp đầu tư xây dựng mới các hạng mục còn thiếu, nhằm hình thành cơ sở giáo dục khang trang, hiện đại, đồng bộ, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm đầy đủ điều kiện dạy và học, ăn ở, sinh hoạt tập trung cho học sinh nội trú; qua đó góp phần thực hiện chủ trương phát triển giáo dục vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất sẵn có, tiết kiệm ngân sách nhà nước và từng bước giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện học tập giữa miền núi và đồng bằng.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

8.1. Quy mô công trình

Tổng số học sinh dự kiến khoảng 1.575 học sinh. Diện tích khuôn viên trường khoảng $S=41.537m^2$.

8.2. Các hạng mục chính công trình

8.2.1. Nhà Hiệu bộ (số 3):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng: $571,8 m^2$, diện tích sàn: $1.800m^2$; kích thước nhà (27,5x28,2)m, bước gian rộng 4,5m, khẩu độ rộng 6m, hành lang trước rộng 2,5m, hành lang 2 bên rộng 2,1m; cốt nền sảnh trước, sảnh sau và 2 khối bên ($\pm 0,00$), cốt nền khoảng trống giữa nhà ($-0,450$)m, cốt sàn tầng 2 ($+3,6$)m, cốt sàn tầng 3 ($+7,2$)m, cốt sàn mái ($+10,8$)m, cốt đỉnh mái ($+13,8$)m; nhà có 02 cầu thang bộ, 01 sảnh trước và 01 sảnh sau, 02 đường dốc lên hành lang trước; mỗi tầng có khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn nhà lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; mái lợp tôn dày 0,40mm, xà gồ thép; toàn nhà sơn 1 nước lót, 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.2. Nhà lớp học lý thuyết tiểu học (số 4A):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng $495m^2$, diện tích sàn $1.485m^2$; kích thước nhà (10,0x48,0)m, nhà gồm 11 gian, 9 gian có kích thước (4,5x7,5)m, 02 gian có kích thước (3,75x7,5)m, hành lang trước rộng 2,5m; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà ($-0,45$)m, cốt sàn tầng 2 ($+3,6$)m, cốt sàn tầng 3 ($+7,2$)m, cốt sàn mái ($+10,8$)m, cốt đỉnh mái ($+13,01$)m; nhà có 01 cầu thang bộ, 01 sảnh trước, 01 đường dốc lên sảnh; mỗi tầng có khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn nhà lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; mái lợp tôn dày 0,40mm, xà gồ thép; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.3. Nhà lớp học lý thuyết tiểu học (số 4B):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 508m², diện tích sàn 1.524m²; kích thước nhà (10,0x45,0)m, nhà gồm 10 gian, kích thước mỗi gian (4,5x7,5)m, hành lang trước rộng 2,5m; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,45)m, cốt sàn tầng 2 (+3,6)m, cốt sàn tầng 3 (+7,2)m, cốt sàn mái (+10,8)m, cốt đỉnh mái (+13,01)m; nhà có 02 cầu thang bộ, 01 sảnh trước, 01 đường dốc lên sảnh.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn nhà lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; mái lợp tôn dày 0,40mm, xà gồ thép; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.4. Nhà lớp học bộ môn tiểu học (số 5):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 404m², diện tích sàn 1.358m²; kích thước nhà (10,0x40,5)m, nhà gồm 9 gian, kích thước mỗi gian (4,5x7,5)m, hành lang trước rộng 2,5m; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,45)m, cốt sàn tầng 2 (+3,6)m, cốt sàn tầng 3 (+7,2)m, cốt sàn mái (+10,8)m, cốt đỉnh mái (+13,01)m; nhà có 01 cầu thang bộ, 01 sảnh trước, 01 đường dốc lên sảnh; mỗi tầng có khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn nhà lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; mái lợp tôn dày 0,40mm, xà gồ thép; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.5. Nhà lớp học bộ môn THCS (số 7):

- Kiến trúc công trình : Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 450m², diện tích sàn 1.496m²; kích thước nhà (10,0x45,0)m, nhà gồm 10 gian, kích thước mỗi gian (4,5x7,5)m, hành lang trước rộng 2,5m; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,45)m, cốt sàn tầng 2 (+3,6)m, cốt sàn tầng 3 (+7,2)m, cốt sàn mái (+10,8)m, cốt đỉnh mái (+13,01)m; nhà có 01 cầu thang bộ, 01 sảnh trước, 01 đường dốc lên sảnh.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn nhà lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; mái lợp tôn dày 0,40mm, xà gồ thép; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.6. Nhà đa năng (số 8):

- Kiến trúc công trình: Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng: 1.104m²; kích thước nhà (30,0x36,0)m, bước gian rộng 7,2m, khẩu độ khu đa năng rộng 18m, khẩu độ các khu phụ trợ rộng 6m; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,750)m, cốt trần (+9,0)m, cốt đỉnh mái (+15,0)m; có kho, khu thay đồ, khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền nhà khu đa năng sơn Kova 3 nước; nền sảnh, hành lang và kho lát gạch KT (600x600)mm, nền khu thay đồ lát gạch chống trơn; bậc tam cấp lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; vì kèo thép, liên kết với cột BTCT bằng bu lông và bản táp, xà gồ thép hình, mái lợp tôn lạnh dày 0,45mm; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.7. Nhà công vụ giáo viên (số 11):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 629m², diện tích sàn 1.887m²; kích thước nhà (10,8x59,05)m, nhà gồm 14 gian, kích thước mỗi gian (4,2x5,4)m, hành lang trước rộng 2,4m, hành lang sau rộng 3m làm bếp và khu vệ sinh; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,750)m, cốt sàn tầng 2 (+3,6)m, cốt sàn tầng 3 (+7,2)m, cốt sàn mái (+10,8)m, cốt đỉnh mái (+13,01)m; nhà có 02 cầu thang bộ.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; xà gồ thép hình, mái lợp tôn dày 0,4mm; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.8. Nhà nội trú học sinh nam tiểu học (nhà số 12):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 1.369m², diện tích sàn 4.107m²; kích thước nhà (24,52x60,25)m, nhà gồm 12 gian, kích thước mỗi gian (5,0x6,9)m, hành lang giữa rộng 2,4m, hành lang 2 bên rộng 4,16m làm bếp và khu vệ sinh; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,750)m, cốt sàn tầng 2 (+3,6)m, cốt sàn tầng 3 (+7,2)m, cốt sàn mái (+10,8)m, cốt đỉnh mái (+13,8)m; nhà có 02 cầu thang bộ.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; xà gồ thép hình, mái lợp tôn dày 0,4mm; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.9. Nhà nội trú học sinh nữ tiểu học (nhà số 13):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 1.121m², diện tích sàn 3.363m²; kích thước nhà (24,52x50,25)m, nhà gồm 10 gian, kích thước mỗi gian (5,0x6,9)m, hành lang giữa rộng 2,4m, hành lang 2 bên rộng 4,16m làm bếp và khu vệ sinh; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,750)m, cốt sàn tầng 2 (+3,6)m, cốt sàn tầng 3 (+7,2)m, cốt sàn mái (+10,8)m, cốt đỉnh mái (+13,8)m; nhà có 02 cầu thang bộ.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; xà gồ thép hình, mái lợp tôn dày 0,4mm; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.10. Nhà nội trú học sinh nữ THCS (nhà số 14):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 1.007m², diện tích sàn 3.021m²; kích thước nhà (13,46x89,05)m, nhà gồm 16 gian, 12 gian có kích thước (5,0x6,9)m, 04 gian có kích thước (4,2x6,9)m, hành lang trước rộng 2,4m, hành lang sau rộng 4,16m làm bếp và khu vệ sinh; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,750)m, cốt sàn tầng 2 (+3,6)m, cốt sàn tầng 3 (+7,2)m, cốt sàn mái

(+10,8)m, cốt đỉnh mái (+13,8)m; nhà có 03 cầu thang bộ, 03 sảnh, 01 đường dốc lên sảnh.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; xà gồ thép hình, mái lợp tôn dày 0,4mm; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.11. Nhà nội trú học sinh nam THCS (nhà số 15):

- Kiến trúc công trình: Nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 1.353m², diện tích sàn 4.059m²; kích thước nhà (13,46x102,3)m, nhà gồm 21 gian, 17 gian có kích thước (5,0x6,9)m, 04 gian có kích thước (4,2x6,9)m, hành lang trước rộng 2,4m, hành lang sau rộng 4,16m làm bếp và khu vệ sinh; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,750)m, cốt sàn tầng 2 (+3,6)m, cốt sàn tầng 3 (+7,2)m, cốt sàn mái (+10,8)m, cốt đỉnh mái (+13,8)m; nhà có 03 cầu thang bộ, 03 sảnh, 01 đường dốc lên sảnh.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp, bậc cầu thang lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; xà gồ thép hình, mái lợp tôn dày 0,4mm; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.12. Nhà ăn nội trú (số 17):

- Kiến trúc công trình: Nhà 1 tầng, diện tích xây dựng 1.610m²; kích thước chính khung nhà (23,5x58,85)m, nhà gồm 13 gian, 07 gian có kích thước (5,8x23,5)m, 03 gian có kích thước (6,0x23,5)m; cốt nền ($\pm 0,00$), cốt sân ngoài nhà (-0,450)m, cốt trần (+4,2)m, cốt đỉnh mái (+6,9)m; nhà có 01 sảnh chính, 04 sảnh phụ ở 2 bên, có 02 đường dốc lên sảnh phụ 2 bên, 02 khu vệ sinh ở liền sảnh phụ 2 bên và 01 khu vệ sinh ở trong khu bếp.

- Kết cấu và các vật liệu chính: Móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch không nung mác 75, xây trát vữa xi măng mác 75; nền, sàn lát gạch KT (600x600)mm; bậc tam cấp lát đá granit; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT (300x300)mm, tường ốp gạch KT (300x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung

nhôm hệ, kính 2 lớp an toàn; hệ vì kèo thép, xà gồ thép, mái lợp tôn dày 0,4mm; toàn nhà sơn 1 nước lót 2 nước hoàn thiện.

- Xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng, chống sét, thông tin liên lạc, PCCC, cấp thoát và nước cho công trình.

8.2.13. Cải tạo nhà lớp học lý thuyết và nhà lớp học bộ môn THCS

- Cải tạo nhà lớp học lý thuyết THCS (số 6A và 6B) từ nhà hiện có để đồng bộ với không gian kiến trúc mới của trường và đảm bảo chức năng theo tiêu chuẩn: Cải tạo nhà lớp học hai tầng (số 6A) hiện có 04 phòng học, diện tích xây dựng: 224,25 m², diện tích sàn: 450,5 m²; cải tạo nhà lớp học hai tầng (số 6B) hiện có 10 phòng học, diện tích xây dựng: 416,13 m², diện tích sàn: 873,13 m². Cải tạo hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC ... đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Cải tạo nhà lớp học bộ môn THCS (số 7*) từ nhà lớp học hai tầng hiện có 04 phòng học để đồng bộ với không gian kiến trúc mới của trường và đảm bảo chức năng theo tiêu chuẩn. Diện tích xây dựng: 188,34 m², diện tích sàn: 411,5 m². Cải tạo hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC ... đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

8.3. Công trình phụ trợ

8.3.1. Nhà bảo vệ: Diện tích xây dựng khoảng 15m², số tầng 01 tầng, diện tích sàn khoảng 15m²; kết cấu móng đơn BTCT mác 250; nhà khung chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 250; công trình được bố trí hệ thống cấp điện, thoát nước, PCCC... đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

8.3.2. Sân bê tông diện tích khoảng 9.923m²; cấu tạo gồm gồm bê tông mác 200 dày 100mm, cắt khe co giãn, trên lớp đệm cát nền đầm kỹ dày 3cm.

8.3.3. Cổng: Móng, trụ cột, khung bê tông cốt thép. Xây bao quanh trụ gạch không nung vữa xi măng; trát ngoài vữa xi măng và sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp hoàn thiện); tường xây gạch không nung vữa xi măng; mái lợp ngói âm dương trên hệ vì kèo, đòn tay, dui mè thép hộp; biển tên thiết kế đồng bộ; cánh cổng sử dụng thép hộp sơn tĩnh điện.

8.3.4. Hàng rào hoa sắt thoáng: Móng xây đá hộc vữa xi măng. Giằng chân bê tông cốt thép; chân tường và trụ cột xây gạch không nung vữa xi măng; trát ngoài vữa xi măng và sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp hoàn thiện); hoa sắt tường rào sử dụng thép hộp sơn tĩnh điện.

8.3.5. Hàng rào đặc: Móng xây đá hộc vữa xi măng. Giằng chân bê tông cốt thép; chân tường và trụ cột xây gạch không nung vữa xi măng; trát ngoài vữa xi măng và sơn 3 lớp (1 lớp lót, 2 lớp hoàn thiện).

8.3.6. Nhà để xe: Diện tích khoảng 224m², thiết kế móng trụ BTCT, khung và xà gồ thép, mái tôn.

8.3.7. Cột cờ: Kết cấu móng bê tông, bulong neo inox; bản mã, cột, ròng rọc sử dụng inox 304; bậc xây gạch không nung vữa xi măng, mặt và cổ bậc ốp đá granit.

Các hạng mục phụ trợ cần thiết khác kèm theo ... được thiết kế theo tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành.

8.4. Hạ tầng kỹ thuật

8.4.1. San nền: Cao độ san nền trung bình ở cốt 216,45m. Tính toán san nền theo lưới ô vuông 10x10m; cao độ tự nhiên san nền lấy theo phương pháp nội suy các điểm có cao độ xung quanh nút tính toán, khối lượng san nền được tính toán riêng theo lô công trình, độ đầm chặt nền k90.

8.4.2. Đường giao thông:

- Đường giao thông trước cổng trường: Mặt đường rộng 5,0m; dốc ngang mặt đường $i_n = 2\%$. Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới: (1) Bê tông xi măng mác 300 dày 22cm; (2) Móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm; (3) Nền đào xáo xới hoặc nền đắp đầm chặt K95; (4) Nền đất tự nhiên. Kết cấu vỉa hè từ trên xuống dưới gồm: (1) Gạch block tự chèn; (2) Vữa xi măng mác 75 dày 3cm; (3) Bê tông mác 150cm dày 7cm. Thoát nước dọc tuyến sử dụng cống tròn bê tông cốt thép D100.

- Đường giao thông nội bộ: Mặt đường rộng 5,0m; dốc ngang mặt đường $i_n = 1\%$. Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới: (1) Bê tông xi măng mác 250 dày 18cm; (2) Móng cấp phối đá dăm loại 2 dày 10cm; (3) Nền đào xáo xới đầm chặt K95; (4) Nền đất tự nhiên.

8.4.3. Hệ thống điện chiếu sáng chung được thiết kế kiểu cột thép cao 8m, đèn led ánh sáng quang rộng để chiếu sáng chung và tạo cảnh quan cho khu vực; cáp được chôn ngầm trong rãnh cáp.

8.4.4. Hệ thống cấp nước sạch: Nước sạch được lấy từ nguồn giếng khoan tại chỗ, cấp về bể ngầm dự trữ nước sinh hoạt và nước PCCC. Sau đó bơm nước tới kết mái của các công trình thông qua trạm bơm và hệ thống đường ống HDPE đường kính D60, rồi cấp xuống các thiết bị dùng nước. Bể nước ngầm kích thước 25x6,0x2,0m; kết cấu bê tông cốt thép; mặt trong trát láng vữa xi măng bảo vệ chia làm 2 lớp và đánh màu bằng xi măng nguyên chất; mặt ngoài trát vữa xi măng.

8.4.5. Hệ thống thoát nước thải: Nước thải sau khi ra khỏi các toà nhà được thu gom bởi các đường ống D300 HDPE dẫn về bể xử lý nước thải, sau đó thoát ra ngoài công trình, độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Bể xử lý nước thải kích thước 16,2x5,0x3,1m; kết cấu bê tông cốt thép; mặt trong trát láng vữa xi măng bảo vệ chia làm 2 lớp và đánh màu bằng xi măng nguyên chất; mặt ngoài trát vữa xi măng.

8.4.6. Hệ thống thoát nước mưa:

- Nước mặt được thu vào hệ thống rãnh xây, gom vào đường cống hộp bê tông cốt thép thoát ra ngoài khu vực.
- Cống hộp thoát nước: Kích thước 300x200x120mm, sử dụng BTCT mác 300 thi công lắp ghép trên lớp móng cấp phối đá dăm đầm chặt.

8.4.7. Hệ thống PCCC: Thiết kế đảm bảo khoảng cách PCCC giữa các hạng mục công trình và với ranh giới lô đất. Đường giao thông nội bộ thiết kế kết nối tốt với cổng vào, các hạng mục công trình và sân bãi; chiều rộng mặt cắt ngang và độ dốc, vị trí tránh xe đảm bảo xe PCCC hoạt động tốt. Các khối công trình được thiết kế với bậc II chịu lửa, liên thông bằng hệ thống hành lang, mọi khối đều đảm bảo tối thiểu 02 lối thoát nạn ngoài nhà; nhà lớp học, nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà ở nội trú thiết kế với hệ thống cửa sổ và cửa louver thông gió tự nhiên đảm bảo việc chống khói khi có hỏa hoạn; nhà ăn thiết kế hệ thống hút khói và bù khí đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật.

8.4.8. Hệ thống thông tin trong công trình gồm mạng lan - internet (*tủ thông tin chứa các thiết bị thông tin đặt tại mỗi tầng, ổ cắm âm tường, cáp thông tin và ống luồn dây*) bảo đảm truyền, trao đổi dữ liệu giữa các máy tính nội bộ cùng việc truy cập internet tốc độ.

8.4.9. Cấp điện

a) Đường dây 35kV xây mới

* Phần đường dây 35kV đi trên không (ĐDK-35kV)

- Tổng chiều dài tuyến 35kV xây dựng mới 40m. Điểm đầu: Cột số số 169/13 lộ 372 E22.1 nhánh rẽ Bản Ngày, cấp điện TBA trường Phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở Minh Tân. Điểm cuối: TBA 1000kVA xây dựng mới.

- Tại cột điểm đầu vị trí cột số 169/13 lộ 372 E22.1 nhánh rẽ Bản Ngày hiện trạng là cột 12m, xà néo chữ Z-35kV, để đảm bảo khoảng cách vượt đường theo quy phạm sang vị trí cột số 169/13-1 lộ 372 E22.1 xây dựng mới, thay cột 12m bằng cột 16m, thay bộ xà néo chữ Z-35kV bằng bộ xà néo XN1-2L pha bằng. Dây dẫn: Sử dụng lại dây dẫn đường trục hiện có. Cách điện: Sử dụng cách điện đứng Polymer 35kV, chuỗi néo polymer 35kV. Cột điện: Sử dụng cột bê tông ly tâm NPC.I-16-190-11. Móng cột: MT-4. Xà, giá đỡ chế tạo bằng thép hình và được mạ kẽm theo TCVN. Tiếp địa cột: Tiếp đất an toàn cột (RC-2).

- Tại cột số 169/13-1 lộ 372 E22.1 cột cầu dao xây dựng mới lắp đặt 01 bộ cầu dao cách ly DCL - 35kV-630A trên đỉnh cột; 01 bộ biến dòng đo đếm CPT 1 pha 40,5kV; 01 bộ chống sét van ZNO 35kV. Dây dẫn: Sử dụng cáp treo ruột nhôm lõi thép, cách điện XLPE vỏ HDPE loại dây AsXV- 70/11. Cách điện: Sử dụng cách điện đứng Polymer 35kV, chuỗi néo polymer 35kV kép. Cột điện: Sử dụng cột bê tông ly tâm NPC.I-16-190-11. Móng cột: MT-4. Xà, giá đỡ các thiết bị và đường dây 35kV, thang trèo, ghế thao tác được

chế tạo bằng thép hình và được mạ kẽm theo TCVN. Tiếp địa cột: Tiếp đất an toàn cột (RCD).

* Phần đường dây 35kV hạ ngầm dưới đất: Tổng chiều dài tuyến 35kV xây dựng mới 20m. Dây dẫn: Sử dụng cáp đồng ngầm chống thấm dọc loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x95mm² và các phụ kiện đầu nối cáp ngầm.

b) Xây dựng mới 01 Trạm biến áp 35/0,4kV với các thông số chính sau:

- Kiểu trạm Kios hợp bộ. Máy biến áp sử dụng loại 1.000kVA- 35/0,4kV.

- Phía trung thế 35kV: Phía trung áp lắp tủ điện trọn bộ 01 tủ trung thế RMU 40.5kV gồm 03 ngăn có bộ chỉ thị báo sự cố đầu cáp đến, điện trở sấy theo nhiệt độ cho mỗi ngăn; cầu dao phụ tải 35kV-630A-20kA/1s loại 3 vị trí (vị trí đóng, mở và nối đất); cầu chì bảo vệ máy biến áp; 01 ngăn dự phòng.

- Phía hạ thế 0.4kV: Tủ tổng hạ thế loại trong nhà 1 lớp cánh, vỏ sơn tĩnh điện gồm kích thước tủ: CxRxS: 1800x1200x600mm; 01 ACB tổng 4P - 1.500A/75kA - 400V có bảo vệ từ và nhiệt theo tiêu chuẩn IEC; 01 MCCB nhánh 3P 150A/18kA; 02 MCCB nhánh 3P 250A/36kA; 02 MCCB nhánh 3P 300A/36kA; 01 MCCB nhánh 3P 500A/36kA có bảo vệ từ và nhiệt theo tiêu chuẩn IEC; máy biến dòng TI 1500/5A; thanh cái tủ sử dụng thanh đồng dẹt 2x50x5mm², có khả năng chịu được dòng ngắn mạch >50kA/s; nối từ cực hạ thế MBA sang tủ hạ thế: Sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC-0,6/1kV-1x300mm², mỗi pha 03 sợi, 2 sợi trung tính; tủ tụ bù hạ thế 50kVAr, cáp nối từ tủ bù sang tủ hạ thế tổng sử dụng thanh cái đồng 25x4mm².

c) Xây dựng mới tuyến đường dây cáp ngầm hạ áp 0,4kV xuất tuyến từ tủ tổng hạ thế tại Trạm biến áp với những đặc điểm sau:

- Cấp điện áp: 0,4kV. Số mạch: 01 mạch, 3 pha 4 dây, tần số sử dụng 50Hz. Hệ thống cáp ngầm sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0,6/1kV được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE đi ngầm trong hào cáp qua các hố ga kéo cáp tới các hạng mục công trình. Sử dụng dây dẫn loại 3x300+1x240mm²; 3x240+1x185mm²; 3x185+1x150mm²; 3x150+1x120mm²; 4x50mm²; 4x50mm²; 4x35mm²; 4x25mm²; 4x16mm²; 4x10mm²; 4x6mm²; 4x4mm². Cấp điện cho các lộ phòng cháy sử dụng cáp điện Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV tiết diện 4x50mm². Sử dụng Tủ phân phối (TĐ-PP) sau tủ điện phân phối của trạm biến áp. TĐ-PP loại 4 lộ ra trong đó lắp 01 MCCB tổng 3P 250A/36kA - 400V, 01 MCCB nhánh 3P 20A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 50A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 125A/18kA-400V; TĐ-PP loại 5 lộ ra trong đó lắp 01 MCCB tổng 3P 300A/36kA - 400V, 01 MCCB nhánh 3P 32A/18kA-400V, 02 MCCB nhánh 3P 50A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 60A/18kA-400V, 01 MCCB nhánh 3P 100A/18kA-400V.

- Tủ điện hạ thế TĐ-CC (tủ điện ưu tiên được cấp từ hai nguồn, 01 nguồn từ trạm biến áp và 1 nguồn từ máy phát điện 160kVA cấp cho các phụ tải bơm chữa cháy khi mất điện lưới) ở chế độ bình thường 2 nguồn trên được kết nối với nhau bằng 01 MCCB 1500A/75kV-450A và khi có sự cố cháy xảy ra

MCCB 1500A sẽ nhận tín hiệu từ tủ trung tâm báo cháy tự động tách và ngắt nguồn không ưu tiên ra khỏi lưới điện và tự động khởi động máy phát điện để cấp điện cho hệ thống PCCC.

- Chiều dài tuyến cáp từ tủ điện phân phối của trạm biến áp và tủ điện TĐ-PP đến các hạng mục: Tuyến số 1: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA cấp cho nhà nội trú học sinh nữ khối THCS (số 14) chiều dài tuyến 57m. Từ tủ điện TĐ-12 cấp cho nhà nội trú học sinh nam khối THCS (số 15) chiều dài tuyến 49m; Tuyến số 2: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA cấp cho nhà nội trú học sinh nữ khối tiểu học (số 13) chiều dài tuyến 298m; Tuyến số 3: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA cấp cho nhà nội trú học sinh nam khối tiểu học (số 12) chiều dài tuyến 279m; Tuyến số 4: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối của TBA đến tủ điện TĐ-PP-01 chiều dài tuyến 171m. Từ tủ điện TĐ-PP-01 cấp cho Khối nhà hiệu bộ và thư viện 3 tầng (số 3) chiều dài tuyến 130m, cấp cho nhà lớp học khối THCS (số 6B) chiều dài tuyến 86m, cấp cho nhà lớp học khối THCS (số 6A) chiều dài tuyến 64m, cấp cho nhà lớp học bộ môn khối THCS (số 7) chiều dài tuyến 79m, cấp cho nhà công vụ giáo viên (số 11) chiều dài tuyến 65m, cấp cho nhà bếp+ ăn nội trú (số 17) chiều dài tuyến 66m; Tuyến số 5: Xây dựng mới lộ cáp hạ áp xuất tuyến từ tủ điện phân phối TĐ-PP-02 chiều dài tuyến 287m. Từ tủ điện TĐ-PP-02 cấp cho nhà lớp học lý thuyết khối tiểu học (số 4B) chiều dài tuyến 107m, cấp cho nhà lớp học lý thuyết khối tiểu học (số 4A) chiều dài tuyến 51m, cấp cho nhà lớp học bộ môn khối tiểu học (số 5) chiều dài tuyến 49m.

- Chiều dài tuyến cáp từ tủ điện phân phối của TBA cấp đến tủ điện TĐ-CC của trạm bơm chữa cháy, chiều dài tuyến 238m, cấp đến tủ điện TĐ-HT báo cháy, chiều dài tuyến 250m, cấp đến tủ điện TĐ bơm nước sinh hoạt, chiều dài tuyến 240m và cấp đến tủ điện TĐ chiếu sáng ngoài nhà, chiều dài tuyến 21m.

8.5. Thiết bị: Trang thiết bị phục vụ trường học như bàn, ghế, giường, tủ,... đầy đủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (*Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công triển khai sau thiết kế cơ sở*).

9.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam gồm: Tập 1, tập 2, tập 3 của Bộ Xây dựng.
- QCVN 02:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- QCVN 03:2022/BXD - Quy chuẩn quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng.
- QCVN 05:2008/BXD - Quy chuẩn quốc gia về Nhà ở và công trình công cộng- An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 09:2017/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

- QCVN 10:2024/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng.

- QCVN 12:2014/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống điện của tòa nhà và công trình.

- QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

- TCVN 9437:2012 - Khoan thăm dò địa chất công trình.

- TCVN 8793:2011 - Trường tiểu học - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 8794:2011 - Trường trung học - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 2737:2023 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9362:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

- TCVN 5573:2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4474:1987 - Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5687:2024 - Thông gió, điều hoà thông khí - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 - Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206:2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7490:2005 - Ecgonômi - Bàn ghế học sinh tiểu học và trung học cơ sở - Yêu cầu về kích thước cơ bản theo chỉ số nhân trắc của học sinh.

- TCVN 7491:2005 - Ecgonômi - Bố trí bàn ghế học sinh trong phòng học.

- TCVN 3890 - 2023 - Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 251.010.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi một tỷ, không trăm mười triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí BT, HTTĐC:	6.000.000.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	203.576.117.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	12.964.526.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	5.102.239.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.425.290.000	đồng
- Chi phí khác:	2.486.250.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	11.455.578.000	đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

12.1. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12.2. Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Năm 2025: Vốn ngân sách Trung ương (Giao tại Quyết định số 2231/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ).

- Năm 2026: Dự kiến tiếp tục sử dụng nguồn ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

Điều 2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác, sự tuân thủ quy định của pháp luật đối với các nội dung thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án.

Điều 3. Chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, số liệu của hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án.

2. Có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các nội dung theo ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2892/SXD-KT&GD&XD ngày 16/12/2025 và nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về dự án đầu tư công khẩn cấp và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Giao Sở Tài chính tổ chức thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu của dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giao các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công thương và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện nội dung tại Quyết định này bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện dự án không được để xảy ra các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, thất thoát vốn ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VIII, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Tân và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QHĐTXD. (TPL)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vương Ngọc Hà